

Bản án số: **243/2019/KDTM-PT**

Ngày: 01 - 4 - 2019

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Chinh.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Phong

Bà Trương Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2018/TLPT-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2018 về Tranh chấp Hợp đồng thi công.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 109/2018/KDTM-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 1042/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Công ty VL (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân Vận tải và Xây dựng VL);

Trụ sở: số 271 đường L1, Phường L2, quận L3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông VVN, sinh năm 1954 – Là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: số 271 đường L1, Phường L2, quận L3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Công ty AXT;

Trụ sở: số 371 đường T1, phường T2, Quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông HCK, sinh năm 1973 - là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2019). (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà NTT, sinh năm 1985; địa chỉ: số 421 Lô I chung cư TT, quận TT1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt ngày 25/3/2019, vắng mặt ngày 01/4/2019).

2/ Bà VTH, sinh năm 1977; địa chỉ: số 294/14 đường P1, Phường P2, quận P3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Người kháng cáo: Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng Công ty VL và Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Công ty AXT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2016, Đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ngày 13/9/ 2018 và tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Doanh nghiệp tư nhân vận tải và xây dựng Công ty VL (ngày 13/11/2017 đã được Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đăng ký thay đổi thành Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL) (gọi tắt là Công ty VL) có ký với Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Công ty AXT (gọi tắt là Công ty AXT) Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 để thi công đóng, nhổ cừ Larsen phục vụ thi công dự án: Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 thuê xe cơ giới để phục vụ đào đất thuộc dự án cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm.

Căn cứ vào Điều 3 của cả hai hợp đồng số 87/HĐKT/2013 và 91/HĐKT/2014, khi bên Công ty VL xuất hóa đơn VAT cho Công ty AXT, trong vòng 30 ngày Công ty AXT phải thanh toán 100% giá trị thực hiện cho Công ty VL, sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn Công ty AXT không thanh toán thì phải chịu lãi suất 1.2%/tháng/tổng dư nợ. Tuy nhiên, Công ty VL đã thực hiện xong việc đóng nhổ cừ và cho thuê xe đào đất theo hợp đồng số 87/HĐKT/2013 và hợp đồng số 91/HĐKT/2014, đã xuất hóa đơn VAT thanh toán theo từng đợt thanh toán, nhiều lần làm giấy đề nghị thanh toán và đối chiếu công nợ nhưng Công ty AXT cố tình chậm thanh toán. Đến ngày 08/3/2016 hai bên đã làm biên bản đối chiếu công nợ và thanh lý hợp đồng, trong biên bản thanh lý đã ghi rõ là hợp đồng chỉ không còn giá trị kể từ ngày Công ty AXT thanh toán hết số tiền còn nợ cho VL.

- Hợp đồng số 87/HĐKT/2013: ngày 08/03/2016 hai bên đã lập biên bản thanh lý hợp đồng số 87/HĐKT /2013 xác nhận số tiền nợ gốc Công ty AXT còn nợ Công ty VL đến ngày 08/03/2016 cho hợp đồng số 87 là 4.425.179.418 đồng. Hóa đơn VAT cuối cùng mà Công ty VL xuất cho Công ty AXT cho hợp đồng số 87 là vào ngày 25/5/2015.

- Hợp đồng số 91/HĐKT/2014: ngày 08/03/2016 hai bên đã lập biên bản thanh lý hợp đồng số 91/HĐKT/2014 xác nhận số tiền nợ gốc Công ty AXT còn nợ Công ty VL đến ngày 08/03/2016 cho hợp đồng số 91 là 280.382.497 đồng. Hóa đơn VAT cuối cùng mà Công ty VL xuất cho Công ty AXT cho hợp đồng số 91 là vào ngày 30/10/2015.

Sau khi ký Biên bản thanh lý các Hợp đồng trên Công ty AXT cũng không thanh toán nên ngày 5/6/2016 nguyên đơn đã nộp đơn khởi kiện đối với hai hợp đồng trên và yêu cầu Công ty AXT thanh toán số tiền nợ gốc của cả hai hợp

đồng là 4.705.561.916 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cũng như tiền phạt 8% trên số tiền vi phạm của hợp đồng số 91 là 22.430.600 đồng do vi phạm thời hạn hợp đồng theo đúng hợp đồng.

Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án Công ty AXT đã thanh toán cho Công ty VL được 2.580.000.000 đồng nên ngày 13/9/2018 nguyên đơn có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện xác định yêu cầu Công ty AXT phải thanh toán số nợ gốc còn lại là 1.925.561.915 đồng. Tiền lãi 1,2% tháng theo qui định tại mục 3.3 Điều III của Hợp đồng số 87 và mục 3.2 Điều III của Hợp đồng 91 - tổng tiền lãi của 02 Hợp đồng là 1.896.565.193 đồng và lãi phạt do chậm thanh toán theo hợp đồng số 91 là 22.430.600 đồng; Tổng cộng số tiền Công ty VL yêu cầu Công ty AXT phải thanh toán là 3.844.557.708 đồng (Ba tỷ tám trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm năm mươi bảy ngàn bảy trăm lẻ tám đồng).

Bị đơn trình bày:

Công ty AXT xác nhận có ký 02 (hai) Hợp đồng số 87 và số 91 như Nguyên đơn đã trình bày, nhằm thực hiện một phần Hợp đồng liên danh số 01/2013/HĐLD ngày 12/6/2013 ký kết giữa Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT với Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam với Công ty TNHH TTP.

Công ty AXT xác nhận số tiền chưa thanh toán của 02 (hai) hợp đồng số 87 và số 91 - như Nguyên đơn đã trình bày và xác nhận có làm biên bản đối chiếu công nợ vào ngày 08/03/2016 xác nhận số tiền Công ty AXT còn nợ Công ty VL đúng như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên do trong biên bản đối chiếu công nợ ghi rõ số tiền còn nợ, không thể hiện tính lãi.

Đến ngày 23/7/2016 hai công ty đã ký biên bản làm việc và thống nhất công nợ các khoản cho cả hai hợp đồng trên là 4.505.561.916 đồng. Sau đó Công ty AXT đã thực hiện cam kết và đã thanh toán được số tiền 2.580.000.000 đồng. Do các bên đã thống nhất không tính lãi suất do đó Công ty AXT chỉ chấp nhận trả tiền lãi theo qui định của pháp luật, tính từ ngày 27/01/2017, với mức lãi trung bình trên thị trường là 0,65% tháng.

Với nội dung trên, Tại Bản án sơ thẩm số 109/2018/KDTM-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 74; Điều 78; Điều 79; Điều 85; Điều 86; Điều 306 Luật Thương mại.
- Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải và xây dựng VL.

2. Bị đơn là Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại Công ty AXT phải trả tổng cộng số tiền 2.250.147.468 đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng).

Trường hợp chậm trả số tiền trên, thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí kinh tế sơ thẩm:

Bị đơn là Công ty cổ phần xây dựng Thương mại AXT phải nộp số tiền 77.002.949 đồng (Bảy mươi bảy triệu không trăm lẻ hai ngàn chín trăm bốn mươi chín đồng),

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 56.858.300 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn ba trăm đồng) cho Doanh nghiệp tư nhân Vận tải và Xây dựng VL nay là Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0009320 ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL phải nộp số tiền 59.832.307 (Năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi hai ngàn ba trăm lẻ bảy đồng).

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 11 năm 2018 nguyên đơn đã có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ngày 20/11/2018 bị đơn Công ty AXT kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm của tòa án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn trình bày: Bản án sơ thẩm nêu trong quá trình làm việc nguyên đơn không đề cập lãi suất với bị đơn mà chỉ tính lãi suất từ ngày 10/09/2016 là không đúng với Điều 3.3 của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 và Điều 3.2 của Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 hai bên đã ký kết. Tại Điều 3 của cả hai hợp đồng đã ghi rõ nếu Công ty AXT chậm thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày Công ty VL xuất hóa đơn VAT thì phải chịu lãi suất là 1,2%/ tháng/ tổng dư nợ và Điều 3.2 của hợp đồng số 91 còn ghi rõ: Ngoài tiền lãi phải chịu do chậm thanh toán còn phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt là 8%/tổng số tiền chậm thanh toán.

Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi và tiền phạt vi phạm hợp đồng của Công ty VL với lý do Công ty VL không đề xuất lãi trong các lần làm việc là không đúng với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vì Công ty VL chưa bao giờ thỏa thuận với Công ty AXT về việc không tính lãi quá hạn. Do đó đề nghị Tòa án phúc thẩm xem xét, buộc Công ty AXT phải trả gốc cho Công ty VL là 1,925,561,915 đồng và lãi suất theo Điều 3.3 của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 và Điều 3.2 của Hợp đồng số 91/HĐKT/2014. Để tạo điều kiện cho Công ty AXT thanh toán nợ, Công ty VL đồng ý tính lãi sau một tháng kể

từ ngày xuất hóa đơn VAT cuối cùng của hợp đồng trên số tiền nợ mà hai bên đã chốt theo biên bản thanh lý ngày 8/03/2016 trên số dư nợ giảm dần, tổng cộng khoản lãi phát sinh của hợp đồng số 87 và hợp đồng số 91 là 1.426.868.584 đồng (Có bảng tính lãi kèm theo bản giải trình ngày 01/4/2019 chi tiết đính kèm). Ngoài lãi chậm trả, Công ty AXT phải chịu phạt số tiền bằng 8% tổng số tiền Công ty AXT chậm thanh toán cho Công ty VL theo Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 là 22.430.600 đồng. Tổng cộng, Công ty AXT phải trả cho Công ty VL số tiền là 3.374.861.000 đồng. Đồng thời yêu cầu Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,2%/tháng tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Bị đơn Công ty AXT trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì trong tất cả các biên bản đối chiếu công nợ cũng như biên bản thanh lý hợp đồng đều không thể hiện buộc Công ty AXT phải chịu lãi trên số nợ gốc. Do đó, Công ty AXT chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc và đồng ý chịu tiền lãi từ ngày 29/03/2018 (tức là sau 30 ngày kể từ ngày làm việc sau cùng giữa hai bên) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0.57%/tháng trên số tiền nợ gốc. Tổng hai khoản thanh toán là: 2.013.367.537 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Việc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị tòa án sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe lời trình bày của đương sự kháng cáo và các đương sự liên quan đến kháng cáo, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không tự thỏa thuận với nhau được về việc giải quyết vụ án, do vậy Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Về tư cách khởi kiện của nguyên đơn: Vào thời điểm thụ lý khởi kiện ông VVN là chủ Doanh nghiệp tư nhân vận tải và xây dựng VL (MSDN:0302158219, Do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp 30/11/2000) ký đơn khởi kiện và được tòa án cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là ông VVN - chủ Doanh nghiệp tư nhân vận tải và xây dựng VL. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án đến ngày 13/11/2017 Doanh nghiệp tư nhân vận tải và xây dựng VL đã được Sở Kế hoạch

Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh đăng ký chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL. Do đó, căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án xác định Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL là nguyên đơn thay cho ông VVN là chủ Doanh nghiệp tư nhân vận tải và xây dựng VL.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Công ty AXT yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của nguyên đơn Công ty VL yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên tổng số tiền nợ chưa thanh toán theo Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 mà hai bên ký kết. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ các bên đương sự xuất trình và lời trình bày của hai bên, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty VL có ký hợp đồng với Công ty AXT 02 hợp đồng kinh tế số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 để thi công đóng, nhổ cừ Larsen và hợp đồng kinh tế số 91/HĐKT/2014 ngày 10/08/2014 cho thuê xe đào phục vụ thi công dự án: Cải tạo kênh và đường dọc kênh Tân Hóa – Lò Gốm thuộc địa bàn quận Bình Tân và Quận 6 – TP.HCM. Quá trình thực hiện các hợp đồng nói trên, các bên thống nhất ý kiến về việc Công ty VL đã cung cấp đầy đủ các dịch vụ Công ty AXT yêu cầu, thống nhất về số tiền nợ còn lại mà Công ty AXT phải thanh toán theo Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014, tuy nhiên Công ty AXT cho rằng việc Công ty VL yêu cầu trả tiền lãi là không đúng vì tại các biên bản đối chiếu công nợ, biên bản thanh lý, biên bản làm việc đều không đề cập đến vấn đề này.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy tại mục 3.3 Điều III của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30-12-2013 quy định: “...Cuối mỗi tháng hai bên đối chiếu số lượng, tổng hợp giá trị, bên B xuất hóa đơn cho bên A, bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị đã thực hiện trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B xuất hóa đơn cho bên A. Nếu quá thời hạn thanh toán 30 ngày thì bên A phải chịu lãi suất 1,2%/ tháng/ tổng dư nợ.”. Tại mục 3.2 Điều III của Hợp đồng 91/HĐKT/2014 ngày 10-8-2014 quy định: “...Hàng tháng hai bên sẽ đối chiếu xác nhận công nợ, bên A sẽ thanh toán 100% giá trị máy đã làm cho bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc tháng thuê xe...Nếu quá thời hạn thanh toán 30 ngày thì bên A phải chịu lãi suất 1,2%/ tháng/ tổng số tiền còn thiếu bên B, ngoài ra bên A còn phải chịu phạt do chậm thanh toán với mức phạt 8%/ tổng số tiền chậm thanh toán”. Như vậy, với nội dung hai bên thỏa thuận nêu trên, Công ty AXT phải có nghĩa vụ thực hiện việc trả tiền lãi cho Công ty VL khi không thanh toán đúng thời hạn đã giao kết theo hai hợp đồng và phải chịu phạt vi phạm với mức phạt 8%/ số tiền chậm thanh toán của hợp đồng số 91 theo biên bản thanh lý ngày 08/3/2016 trên do chậm thanh toán theo quy định tại Hợp đồng 91/HĐKT/2014 ngày 10-8-2014. Cụ thể tiền phạt vi phạm của hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10-8-2014 là 22.430.167 đồng.

[4] Tại các biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ, biên bản làm việc mà Công ty AXT cho rằng không xác định việc tính lãi, Hội đồng xét xử xét thấy tại giai đoạn các bên thanh lý Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày

30/12/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014, nội dung chủ yếu của các bên bàn bạc, đàm phán là việc Công ty AXT phải thanh toán dứt điểm số tiền thực tế còn lại khi thực hiện các hợp đồng đã ký kết, không có nội dung cụ thể nào thể hiện Công ty VL đã chấp nhận việc không tính tiền lãi, tiền phạt đối với Công ty AXT khi Công ty AXT vi phạm hợp đồng về thời hạn thanh toán. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và cho đến tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty AXT cũng không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh Công ty VL có thỏa thuận không tính tiền lãi, tiền phạt được quy định tại các hợp đồng, cũng không có chứng cứ nào thể hiện các bên phủ nhận các điều khoản đã thỏa thuận tại hợp đồng ký kết. Mặt khác, tại biên bản làm việc ngày 15-7-2015 và ngày 29-03-2018, Công ty VL có yêu cầu về việc Công ty AXT phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng đã ký mà Công ty AXT không có ý kiến gì, điều này thể hiện các bên tự nguyện chấp nhận nguyên tắc tính lãi quy định tại hợp đồng là phù hợp với ý chí các bên khi giao dịch dân sự do vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận - và trong thực tế - việc bị đơn Công ty AXT không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, kéo dài thời gian thanh toán đã làm hạn chế lợi nhuận kinh doanh của Công ty VL, không đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng doanh nghiệp.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo pháp luật của Công ty VL đã xuất trình toàn bộ các hóa đơn Giá trị gia tăng mà Công ty VL đã xuất cho Công ty AXT theo từng đợt thanh toán của hai hợp đồng, các biên bản đối chiếu công nợ xác nhận khối lượng công việc làm có xác nhận của cả hai bên thỏa mãn theo đúng điều kiện thanh toán đã thể hiện tại hợp đồng và làm bản giải trình chi tiết công nợ và cách tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ theo hai biên bản thanh lý hợp đồng mà hai bên đã ký vào ngày 08/03/2016. Tại phiên tòa, sau khi kiểm tra đối chiếu và cho tạm dừng phiên tòa để bị đơn kiểm tra đối chiếu lại bản kê tính lãi của Công ty VL do nguyên đơn giao nộp theo bản giải trình gửi đến tòa ngày 25/3/2019, đến ngày 01/4/2019 tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của cả hai công ty đều xác nhận tình tiết ngày 08/03/2016 hai bên đã lập biên bản thanh lý hợp đồng số 87/HĐKT/2013 xác nhận số tiền nợ gốc Công ty AXT còn nợ Công ty VL đến ngày 08/03/2016 cho hợp đồng số 87 là 4.425.179.418 đồng. Hóa đơn VAT cuối cùng mà Công ty VL xuất cho Công ty AXT cho hợp đồng số 87 là vào ngày 25/5/2015 và ngày 08/03/2016 hai bên đã lập biên bản thanh lý hợp đồng số 91/HĐKT/2014 xác nhận số tiền nợ gốc Công ty AXT còn nợ Công ty VL đến ngày 08/03/2016 cho hợp đồng số 91 là 280.382.497 đồng. Hóa đơn VAT cuối cùng mà Công ty VL xuất cho Công ty AXT cho hợp đồng số 91 là vào ngày 30/10/2015. Bị đơn cũng xác nhận là không có chứng cứ chứng minh công ty Công ty VL thỏa thuận không tính lãi. Xét thấy mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đối với thời gian chậm trả với mức lãi suất 1,2%/ tháng/tổng số tiền còn thiếu là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, Do đó việc nguyên đơn - Công ty VL yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán trên số nợ tính sau một tháng kể từ ngày xuất hóa đơn VAT cuối cùng của hợp đồng trên số nợ theo biên bản thanh lý. Cụ thể theo bản chiết tính lãi công nợ đề ngày 25/3/2019 do Công ty VL xuất trình tại tòa (bản chiết tính

này có giao cho kế toán của bị đơn – Công ty AXT đối chiếu kiểm tra) là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng nên có cơ sở chấp nhận cụ thể:

- Tiền lãi chậm thanh toán của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 được tính từ ngày 25/6/2015 (sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT cuối cùng của Hợp đồng 87) đến ngày 08/11/2018 là 1.306.528.417 đồng.

- Tiền lãi chậm thanh toán của Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 được tính từ ngày 01/12/2015 (sau 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn VAT cuối cùng của Hợp đồng 91) đến ngày 08/11/2018 là 120.340.167 đồng.

Ngoài ra căn cứ qui định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là Công ty Cổ phần xây dựng và thương mại AXT còn phải thanh toán cho Công ty TNHH vận tải và xây dựng VL khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,2%/tháng tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

[6] Với phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty VL là có căn cứ chấp nhận nên cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty VL. Buộc Công ty Cổ phần xây dựng thương mại AXT phải thanh toán cho Công ty VL số tiền nợ của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 tổng cộng là **3.374.861.000 đồng** (ba tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi một ngàn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là: 1.925.561.915 đồng, tiền nợ lãi là 1.426.868.584 đồng và tiền phạt vi phạm của Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 là 22.430.600 đồng.

[7] Do sửa án sơ thẩm nên phải sửa lại phần án phí sơ thẩm cho phù hợp qui định của pháp luật. Cụ thể, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được tòa án chấp nhận nên theo qui định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc bị đơn Công ty AXT phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty VL và Công ty AXT không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ Khoản 2 Điều 308; Khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL, sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 109/2018/KDTM-ST ngày 08-11-2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 186, 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 290 của Bộ luật

dân sự; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân Vận tải và Xây dựng VL):

Buộc Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT phải thanh toán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL số tiền nợ của Hợp đồng số 87/HĐKT/2013 ngày 30/12/2013 và Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 tổng cộng là **3.374.861.000 đồng** (ba tỷ ba trăm bảy mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi một ngàn đồng). Trong đó tiền nợ gốc là: 1.925.561.915 đồng, tiền nợ lãi là 1.426.868.584 đồng và tiền phạt vi phạm của Hợp đồng số 91/HĐKT/2014 ngày 10/8/2014 là 22.430.600 đồng.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT còn phải thanh toán cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1,2%/tháng tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

- Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **99.497.000 đồng** (chín mươi chín triệu bốn trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 56.858.300 đồng (Năm mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi tám ngàn ba trăm đồng) cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân Vận tải và Xây dựng VL) (theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AD/2014/0009320 ngày 09/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Hoàn lại cho Công ty TNHH Vận tải và Xây dựng VL (được chuyển đổi từ Doanh nghiệp tư nhân Vận tải và Xây dựng VL) số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026236 ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại AXT số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0026244 ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN
THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phong

Trương Thị Thảo

Nguyễn Thu Chinh